

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 52 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61005161/20237558

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Nguyễn Quốc Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.478.339.161	9.053.434.391
110	I. Tiền	4	94.833.376	55.347.383
111	1. Tiền		94.833.376	55.347.383
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.562.934.174	462.029.308
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	176.645.721	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	2.386.288.453	161.706.950
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.128.902.472	7.107.033.165
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.736.794.206	1.418.883.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.173.845.608	1.140.083.263
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.244.879.900	763.601.528
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.997.067.028	3.790.053.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(23.801.744)	(5.668.348)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		117.474	79.853
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.318.187.832	1.297.993.195
141	1. Hàng tồn kho		3.319.750.286	1.299.714.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.562.454)	(1.721.184)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		373.481.307	131.031.340
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	84.936.480	26.026.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	288.544.827	91.182.796
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	13.821.965

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.857.319.580	22.455.575.233
210	I. Khoản phải thu dài hạn		38.258.300	1.424.092.598
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	14.850.000	30.827.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	23.408.300	1.393.264.649
220	II. Tài sản cố định		5.134.856.176	4.760.245.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.251.589.930	864.536.487
222	Nguyên giá		2.007.402.639	1.433.220.287
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(755.812.709)	(568.683.800)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.883.266.246	3.895.708.997
228	Nguyên giá		4.040.980.722	4.000.711.818
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(157.714.476)	(105.002.821)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.633.671.691	589.060.048
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.633.671.691	589.060.048
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	20.920.404.417	15.565.469.615
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	20.975.242.790	15.591.896.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(124.478.742)	(96.067.640)
260	V. Tài sản dài hạn khác		130.128.996	116.707.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	129.450.940	116.036.689
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	678.056	670.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.335.658.741	31.509.009.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.236.456.747	6.755.920.862
310	I. Nợ ngắn hạn		19.232.308.482	6.752.566.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.159.904.855	2.412.316.806
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.558.002.625	400.401.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	30.115.963	23.383.053
314	4. Phải trả người lao động		2.860.419	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	118.921.403	106.246.789
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.275.009	798.436
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	212.247.655	229.651.483
320	8. Vay ngắn hạn	22	10.148.818.826	3.579.607.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.148.265	3.353.993
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		757.983	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.390.282	3.353.993
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.099.201.994	24.753.088.762
410	I. Vốn chủ sở hữu		27.099.201.994	24.753.088.762
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.580.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.878.837	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	10.489.323.157	8.143.209.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.164.009.925	3.661.441.007
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		6.325.313.232	4.481.768.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.335.658.741	31.509.009.624

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	45.637.197.478	31.643.141.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(214.362)	(314.998)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	45.636.983.116	31.642.826.980
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(43.664.618.015)	(30.448.487.412)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.972.365.101	1.194.339.568
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	6.312.479.727	4.569.963.905
22	7. Chi phí tài chính	26	(504.172.575)	(250.935.474)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(205.167.942)	(85.322.200)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(726.549.201)	(531.231.029)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(737.027.538)	(525.380.605)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.317.095.514	4.456.756.365
31	11. Thu nhập khác	29	187.760.258	158.135.114
32	12. Chi phí khác	29	(90.252.188)	(126.775.040)
40	13. Lợi nhuận khác	29	97.508.070	31.360.074
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.414.603.584	4.488.116.439
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(89.297.609)	2.031.816
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	7.257	(8.379.337)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.325.313.232	4.481.768.918

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.414.603.584	4.488.116.439
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	243.426.245	186.826.612
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		46.385.769	(11.824.238)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		57.011.222	1.852.637
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.097.934.716)	(4.394.949.676)
06	Chi phí lãi vay	26	205.167.942	85.322.200
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		868.660.046	355.343.974
09	Tăng các khoản phải thu		(2.752.387.056)	(1.152.517.730)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.135.589.835)	(143.928.296)
11	Tăng các khoản phải trả		7.056.218.405	658.189.316
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(71.067.910)	15.562.372
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		123.676.637	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(186.855.303)	(83.771.307)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(77.159.805)	(53.087.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.825.495.179	(404.209.342)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.259.284.524)	(674.991.375)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		6.827.471	883.167
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(6.907.811.243)	(716.286.079)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		2.217.929.317	936.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.178.689.766)	(1.594.077.528)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.561.703	14.100.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		5.718.927.603	4.386.119.320
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(5.376.539.439)	1.416.683.505

